

Số: /2021/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 21 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 547/2021/TLST- HNGĐ ngày 01/12/2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

**1. Người yêu cầu:** Anh Phùng Hữu H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 12/2 đường T, phường A, thành phố H.

**2. Người yêu cầu:** Chị Trần Mai Phương T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 18/15 đường H, phường A, thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Hữu H và chị Trần Mai Phương T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh T vào ngày 26/8/2019 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng sâu sắc, vợ chồng ly thân, mỗi người một nơi. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên cùng tự nguyện thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh Phùng Hữu H và chị Trần Mai Phương T xác nhận có 01 con chung là cháu Phùng Nhật Minh Đ, sinh ngày 19/11/2017. Anh Phùng Hữu H và chị Trần Mai Phương T thỏa thuận: Giao cháu Minh Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Minh Đ đủ 18 tuổi, anh H cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Phùng Hữu H và chị Trần Mai Phương T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Phùng Hữu H và chị Trần Mai Phương T xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Phùng Hữu H và chị Trần Mai Phương T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh H, chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000755 ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Phùng Hữu H và chị Trần Mai Phương T.

- Về con chung: Anh Phùng Hữu H và chị Trần Mai Phương T xác nhận có 01 con chung là cháu Phùng Nhật Minh Đ, sinh ngày 19/11/2017. Anh Phùng Hữu H và chị Trần Mai Phương T thỏa thuận: Giao cháu Minh Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Minh Đ đủ 18 tuổi, anh H cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Minh Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phùng Hữu H chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Phùng Hữu H và chị Trần Mai Phương T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phùng Hữu H và chị Trần Mai Phương T xác nhận vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Phùng Hữu H và chị Trần Mai Phương T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh H, chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000755 ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường An Đông, TP Huế  
(ĐKKH số 86, ngày 26/8/2019)
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đình Tú**